

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 3 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Văn Thủy

2. Ông Thào Seo Tỏa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị V, năm sinh 1995

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt

2. Bị đơn: Anh Giàng Seo S, năm sinh 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

3. Người phiên dịch: Ông Giàng Seo P, năm sinh 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố N 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị V và anh Giàng Seo S chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 28/ 9/ 2018 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B. Việc chung sống và kết hôn của anh chị là tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn, làm gì không vừa ý thì anh S lại đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng

thường xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm giữa chị và anh S không còn, cuộc sống của anh chị không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Giàng Seo S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh S không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh S có 01 ngôi nhà làm bằng gỗ gồm một phòng ở và một phòng bếp, tường nhà lợp gỗ, mái nhà lợp Proximăng, tổng diện tích 85,40m². Trị giá ngôi nhà là 20.000.000 đồng; 01 con trâu đực màu đen 02 tuổi trị giá 15.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Nguồn gốc hình thành số tài sản trên là do quá trình chung sống chị và anh S cùng có công tạo lập nên.

Khi ly hôn chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Giàng Seo S được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng; anh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị V với số tiền là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với diện tích đất 95,25m² anh chị làm nhà ở, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn; Xác nhận thông tin về cư trú của chị V, anh S; Đơn xác nhận tài sản chung vợ chồng.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo S hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị Giàng Thị V về điều kiện kết hôn cũng như hoàn cảnh chung sống giữa anh và chị V. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chị V lại hay về bên ngoại ở, anh tham gia thì vợ chồng cãi, chửi nhau, đến tháng 5 năm 2020 do anh bị ngã từ trên mái nhà xuống, phải đi điều trị 03 tháng tại bệnh viện tỉnh Lào Cai thì khỏi, nhưng ảnh hưởng đến sức khỏe và trí nhớ, từ đó chị V hay về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến tháng 5 năm 2021 chị V về ở hẳn với bố mẹ đẻ của chị, từ đó anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh và chị V cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, anh đồng ý ly hôn chị Giàng Thị V.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh S và chị V không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị V và anh S có 01 ngôi nhà làm bằng gỗ gồm một phòng ở và một phòng bếp, tường nhà lợp gỗ, mái nhà lợp Proximăng, tổng diện tích nhà 85,40m² trị giá 20.000.000 đồng và 01 con trâu đực màu đen 02 tuổi trị giá 15.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung của anh chị là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Nguồn gốc hình thành số tài sản trên là do quá trình chung sống anh và chị V cùng tạo lập nên. Do chị V tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở nên anh không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng cho chị V. Đối với diện tích đất 95,25m² anh chị làm nhà ở, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng khoản 15 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2,3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Giàng Thị V được ly hôn với anh Giàng Seo S.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Giàng Seo S được quyền sở hữu tài sản là 01 ngôi nhà gỗ tường nhà lợp ván, mái lợp Proximăng, diện tích 85,40m² trị giá 20.000.000 đồng và 01 con trâu đực màu đen 02 tuổi trị giá 15.000.000 đồng.

- Anh Giàng Seo S phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản là ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị Giàng Thị V là 17.500.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa bị đơn anh Giàng Seo Sính đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị V và anh Giàng Seo S là hợp pháp. Sau khi về chung sống do anh chị không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, từ tháng 5 năm 2021 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; mâu thuẫn của anh S và chị V đã được

gia đình động viên nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Anh S và chị V đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, nên anh S và chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, nhưng tại phiên tòa anh S vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Giàng Thị V và anh Giàng Seo S không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất với nhau về tài sản chung bao gồm: 01 ngôi nhà gỗ, tường nhà lợp gỗ, mái nhà lợp Proximăng, tổng diện tích nhà 85,40m², nguồn gốc hình thành số tài sản trên là do quá trình chung sống anh chị cùng tạo lập nên, thống nhất trị giá ngôi nhà là 20.000.000 đồng; 01 con trâu đực màu đen 02 tuổi trị giá 15.000.000 đồng. Tổng tài sản trị giá 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Xét thấy đây là khối tài sản chung do anh S và chị V cùng tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đều có công sức như nhau trong việc duy trì và tạo lập nên khối tài sản này, hiện nay anh S là người đang quản lý khối tài sản trên. Do vậy cần chấp nhận ý kiến đề nghị của chị V, giao cho anh Giàng Seo S được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng; anh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị V với số tiền là 17.500.000 đồng. Còn anh S cho rằng, do chị V tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở nên anh không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng cho chị Giàng Thị V là không có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tòa án đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nguyên đơn chị Giàng Thị V nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Giàng Seo S và chị Giàng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần trị giá tài sản được hưởng theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2,3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị V và anh Giàng Seo S.

2. Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị V.

- Giao cho anh Giàng Seo S được quyền sở hữu tài sản là 01 ngôi nhà gỗ tường nhà lợp ván, mái lợp Proximăng, diện tích 85,40 m² trị giá 20.000.000 đồng, 01 con trâu đực màu đen 02 tuổi trị giá 15.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Anh Giàng Seo S phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị Giàng Thị V là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chia tài sản, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị V phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản, tổng cộng chị V phải chịu án phí sơ thẩm là 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản đã nộp là 738.000 đồng (Bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003922 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị V còn phải nộp 437.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự chia tài sản.

Anh Giàng Seo S phải chịu 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã B;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương